

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH  
**SỞ TÀI CHÍNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /STC-GCS  
V/v Công khai minh bạch giá cả  
hàng hoá dịch vụ quan trọng, thiết yếu.

Quảng Bình, ngày tháng năm 2021

Kính gửi: Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh Quảng Bình.

Thực hiện Công văn số 574/UBND-KTN ngày 30 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Công khai minh bạch giá cả hàng hoá, dịch vụ quan trọng, thiết yếu.

Sở Tài chính tổng hợp và báo cáo công khai giá các mặt hàng hóa, dịch vụ quan trọng thiết yếu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:

Danh mục đơn giá các loại giống cây trồng, vật tư nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, vắc xin thú y tại thời điểm 25/01/2021 (Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Đề nghị Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh Quảng Bình tổ chức đăng tải công khai trên trang website theo đúng quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục Quản lý Giá-BTC (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Ban Giám đốc Sở;
- Trung tâm TH&DVTCC (để công bố);
- Lưu: VT, GCS.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trương Tùng Giang**

## PHỤ LỤC

### Danh mục đơn giá các loại giống cây trồng, vật tư nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, vắc xin thú y thời điểm 25/01/2021

(Kèm theo Công văn số /STC-GCS ngày tháng năm 2021 của  
Sở Tài chính Quảng Bình)

#### 1. GIỐNG CÂY TRỒNG VỤ ĐÔNG XUÂN 2020 - 2021

TT	Loại giống		Giá bán (đồng/kg)
1	Giống lúa xác nhận 1	Xi23, X21, NX30, IR353-66, SV181, HT1, KD18, DV108, Xuân Mai, Q5	19.000
		VN20, XT28	20.000
		SNV1, N97, PC6, QS447	22.000
		P6, QS88	23.000
		HV3, PN99 (Phong Nha 99)	25.000
2	Lúa lai	Nhị ưu 838	78.000
		KH336	140.000
3	Giống ngô các loại	Ngô lai CP989	80.000
		Ngô lai CP3Q	85.000
		Ngô lai CP511	125.000
		Ngô lai NK6101	130.000
		Ngô lai PAC339	133.000
		Ngô lai NK4300	127.000
		Ngô lai NK6410	130.000
		Ngô lai VN10	46.000
		Ngô nếp lai MX6	83.000
		Ngô nếp HN88	305.000
		Ngô nếp Tổ nữ	105.000

*Đơn vị cung cấp: Công ty TNHH MTV Giống cây trồng Quảng Bình*

#### 2. VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP

TT	Loại Vật tư	Giá bán (đồng/kg)	Ghi chú
1	Đạm urêa Phú Mỹ	7.200	
2	Đạm urêa Indo	6.800	
3	Supe lân Lâm Thao	3.400	

4	Supe lân Long Thành	3.000	
5	Lân nung chảy Ninh Bình	3.400	
6	Kaly clorua	7.500	
7	NPK 16.16.8 Việt Nhật	9.900	
8	NPK 16.16.8 Hàn Việt	9.500	
9	NPK 5.12.3 Ninh Bình	4.400	
10	NPK 5.10.3 Lâm Thao	4.600	
11	NPK 5.10.3 Long Thành	4.300	
12	NPK 5.10.3 Hà Anh	4.200	
13	Vi sinh Huế	2.500	
14	Đạm Ninh Bình	6.800	
15	Vôi bột	1.200	

*(Giá này nằm trên phương tiện tại kho, chưa tính giá chiết khấu, phí bốc vác và giá bán của các cửa hàng, đại lý)*

**Đơn vị cung cấp: Công ty CP Vật tư nông nghiệp QB**

### **3. THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

<b>TT</b>	<b>Nhóm thuốc</b>	<b>Tên thuốc</b>	<b>Đơn vị tính (ml, gam)</b>	<b>Giá (đồng)</b>
01	Nhóm thuốc trừ cỏ	Sofit 300EC	100 ml	35.000
		Prefit 300EC	100 ml	25.000
		Prefit 300EC	50 ml	15.000
		Prefit 342 WP	50 g	20.000
		Dibuta 60EC	100 ml	22.000
		Sontra 10WP	5 gr	7.000
		Sirius 10WP	10 gr	6.000
		MAP Famix 30EC	100 ml	35.000
02	Nhóm thuốc trừ sâu	Karate 2.5EC	10 ml	3.000
		Acmada 50EC	20 ml	12.000
		Bassa 50 EC	100 ml	20.000
		Proclaim 1.9EC	10 ml	20.000
		Neretox 95WP	20 g	7.000
03	Nhóm thuốc trừ bệnh	Score 250 EC	10 ml	17.000
		Ridomil 68WP	100 gr	45.000
		Anvil 5SC	20 ml	7.000
		Fuji-one 40WP	17 g	7.500

		Tilt Super 300EC	10 ml	12.000
		Map Green 6SL	20 ml	12.000
04	Nhóm thuốc diệt chuột	Cat 0.25WP	Gói 10 g	7.000
		Racumin TP 0.75	Gói 10 g	20.000

*Đơn vị cung cấp: Chi cục Trồng trọt - BVTV*

#### 4. VẮC XIN THÚ Y

TT	Các loại vắc xin	Quy cách	Đơn giá (đồng/liều)
<b>I</b>	<b>Vắc xin Lở mồm long móng (LMLM)</b>		
1	LMLM Afopor type O	25 liều/lọ	18.900
2	LMLM type O-1 Manisa, O Taiwan 98	25 liều/lọ	18.900
3	LMLM Aftopor Bivalent, 2 types O, A (Tiêm cho heo, trâu, bò, dê cừu)	25 liều/lọ	31.500
4	LMLM Aftovax Bivalent, 2 types O, A (Tiêm cho trâu, bò, dê cừu)	25 liều/lọ	27.300
5	LMLM Aftopor 3 types O, A, Asia-1	50 liều/lọ	35.490
<b>II</b>	<b>Vắc xin tụ huyết trùng</b>		
1	Tụ huyết trùng trâu bò chủng P52, keo phèn	10 liều/lọ	5.500
		25 liều/lọ	5.500
<b>III</b>	<b>Vắc xin Lợn</b>		
1	Dịch tả lợn	10 liều/lọ	1.680
		25 liều/lọ	1.370
2	Tụ huyết trùng lợn	10 liều/lọ	1.890
3	Tai xanh	10 liều/lọ	32.000
4	Tam liên lợn	10 liều/lọ	4.830
<b>IV</b>	<b>Vắc xin Chó, mèo</b>		
1	Dại chó Rabisin	01 liều/lọ	14.280
2	Dại chó Rabisin	10 liều/lọ	11.970
<b>V</b>	<b>Vắc xin Gia cầm</b>		
1	Newcastle	25 liều/lọ	500
		100 liều/lọ	350
2	Dịch tả vịt	250 liều/lọ	200

3	Cúm gia cầm	200 liều/lọ	420
		500 liều/lọ	399
<b>VI</b>	<b>Hóa chất sát trùng</b>	<b>Quy cách</b>	<b>Đơn giá (đồng/lít)</b>
1	Iodine	01 lít/lọ	165.000
2	Formaldehyde	01 lít/lọ	185.000

*(Giá này chưa tính chiết khấu và giá bán tại các cửa hàng, đại lý)  
Đơn vị cung cấp: Chi cục Chăn nuôi - Thú y*